

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu:

1. Tên công trình: Làm giàu rừng tự nhiên từ nguồn vốn thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ (ERPA) tại xã Hương Bình, tỉnh Hà Tĩnh (Nguồn vốn ERPA năm 2023).

Thuộc Chương trình/dự án: Thí điểm chuyển nhượng kết quả giảm phát thải khí nhà kính (ERPA) Bắc Trung Bộ;

2. Tên gói thầu: Gói thầu số 02: Thi công làm giàu rừng tự nhiên) tại xã Hương Bình, tỉnh Hà Tĩnh (Nguồn vốn ERPA năm 2023).

3. Mục tiêu công trình

Tăng trữ lượng gỗ và năng suất rừng. Cải thiện cấu trúc và đa dạng loài cây gỗ có giá trị kinh tế, giá trị bảo tồn cao; nâng cao hiệu quả sử dụng đất lâm nghiệp. Phục hồi và nâng cấp rừng nghèo kiệt, suy thoái thành rừng có chất lượng tốt hơn về sinh trưởng, phòng hộ và giá trị sử dụng. Tạo tiền đề Vườn Quốc gia Vũ Quang quản lý tốt diện tích rừng tự nhiên, tạo sinh kế, tăng thu nhập cho các tổ chức, hộ gia đình cá nhân sống gần rừng khi tham gia hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

4. Địa điểm đầu tư: Lô (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16), khoảnh 1, tiểu khu 181 thuộc địa bàn hành chính xã Hương Bình, tỉnh Hà Tĩnh. (Trước ngày 01/7/2025 là xã Hòa Hải, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh). Các lô thiết kế dựa trên Lô 25, khoảnh 1, tiểu khu 181- Bản đồ Phương án quản lý bảo vệ rừng giai đoạn 2021-2030.

5. Chủ quản đầu tư: UBND tỉnh Hà Tĩnh.

6. Chủ đầu tư: Vườn Quốc gia Vũ Quang.

7. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội.

(Căn cứ theo số liệu của đơn vị hành chính cũ là xã Hòa Hải, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh do xã Hương Bình mới sát nhập chưa cập nhật số liệu)

a. Vị trí địa lý: Khu vực thiết kế trồng rừng 2025 thuộc đối tượng rừng đặc dụng (Tiểu khu: 181, khoảnh 1). Thuộc địa giới hành chính xã Hòa Hải, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh. Đây là xã miền núi biên giới cách trung tâm huyện Hương Khê 20 km về phía Tây Bắc. Phía Bắc giáp huyện Vũ Quang; Phía Đông giáp xã Điền Mỹ và Phúc Đồng; Phía Nam giáp xã Hương Bình; Phía Tây giáp Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

b. Đặc điểm địa hình, đất đai, hiện trạng, thực bì.

- Địa hình: Địa hình của xã Hòa Hải bị chia cắt nhiều bởi hệ thống sông suối, có các kiểu địa hình khác nhau, như: Địa hình núi cao trung bình, địa hình núi thấp và đồi thoải lượn sóng xen kẽ với các thung lũng, địa hình đồi bát úp và

các cánh đồng phù sa nhỏ hẹp ven sông. Diện tích đồi núi chiếm 88 % diện tích tự nhiên, diện tích đất bằng và thung lũng hẹp chiếm 10%. Do vậy đất nông nghiệp và đất ở của xã chạy dài theo địa hình từ Tây Bắc - Đông Nam và ở giữa 2 dãy núi.

- Đất đai:

Tổng diện tích tự nhiên của xã Hòa Hải là 15.858,71 ha, trong đó: Đất nông nghiệp: 15.059,26 ha chiếm 94,96%; Đất phi nông nghiệp: 626,96 ha chiếm 3,95%; Đất chưa sử dụng: 172,49 ha chiếm 1,09%.

- Hiện trạng:

Theo bản đồ công bố hiện trạng rừng tại Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 26/2/2025 của UBND tỉnh Hà Tĩnh cho thấy khu vực thiết kế có trạng thái là rừng nghèo kiệt (txk), rừng chưa có trữ lượng (txp).

- Thực bì: Khu vực thiết kế chủ yếu là các loài cây bụi, Tế guột, Dương xỉ, Lau, Chít, Chè vè, Sim, Mua,...

Căn cứ vào định mức thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn để đánh giá và phân nhóm thực bì trên các lô thiết kế.

c. Tình hình khí hậu, thủy văn và các điều kiện tự nhiên khác trong vùng:

*Khí hậu: Khí hậu nhiệt đới gió mùa.

+ Mùa hè: Nóng và ẩm, thường kéo dài từ tháng 5 đến tháng 9. Nhiệt độ có thể dao động từ 28°C đến 35°C, với những đợt nắng nóng gay gắt do ảnh hưởng của gió Tây Nam khô nóng (gió Lào). Lượng mưa tập trung nhiều vào giai đoạn này.

+ Mùa đông: Mát và ẩm, kéo dài từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau. Nhiệt độ thường từ 15°C đến 20°C, có thể giảm thấp hơn vào những đợt lạnh sâu. Mưa ít hơn so với mùa hè nhưng có thể kéo dài trong thời gian dài.

+ Mùa chuyển tiếp: Tháng 4 và tháng 10 là thời kỳ chuyển tiếp giữa hai mùa chính, với thời tiết khá ôn hòa.

+ Lượng mưa: Xã Hòa Hải, giống như nhiều vùng khác ở Hương Khê, có lượng mưa hàng năm khá cao, dao động từ 2.000 đến 3.000 mm, tập trung chủ yếu vào mùa mưa (tháng 8 đến tháng 11).

+ Độ ẩm: Độ ẩm trung bình khá cao, thường trên 80%, đặc biệt cao trong mùa mưa. Độ ẩm thấp hơn vào mùa hè khi gió Lào thổi mạnh, gây khô hanh.

* Thủy văn:

- Hòa Hải có các con suối và khe nhỏ phụ lưu của sông Ngàn Sâu cũng góp phần quan trọng vào mạng lưới thủy văn của xã.

- Hòa Hải, thường xuyên đối mặt với nguy cơ lũ lụt trong mùa mưa, đặc biệt khi có bão hoặc áp thấp nhiệt đới. Lũ lụt có thể gây thiệt hại đáng kể cho nông nghiệp và cơ sở hạ tầng địa phương.

- Nguồn nước ngầm: Khu vực này có nguồn nước ngầm phong phú, tuy nhiên chất lượng nước ngầm có thể bị ảnh hưởng bởi các hoạt động nông nghiệp và sinh hoạt. Người dân thường sử dụng nước ngầm cho mục đích sinh hoạt và tưới tiêu.

Hòa Hải, có khí hậu nhiệt đới gió mùa điển hình với mùa hè nóng, ẩm và mùa đông mát mẻ. Khu vực này cũng có hệ thống sông ngòi và nguồn nước ngầm phong phú, nhưng cũng phải đối mặt với nguy cơ lũ lụt và bão lũ hàng năm. Việc quản lý tốt khí hậu và thủy văn là rất quan trọng để phát triển bền vững tại địa phương này.

d. Điều kiện về kinh tế - xã hội:

- Tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của xã: Kinh tế tiếp tục tăng trưởng, tổng giá trị sản xuất năm 2022 đạt 245,65 tỷ đồng tăng 8,73% so với năm 2020, đạt 106% KH. Trong đó: Nông lâm thủy sản đạt 151,075 tỷ đồng chiếm 61,5% (giảm 8,03% so với 2020, đạt 95,6% kế hoạch), dịch vụ thương mại 20,66 tỷ đồng chiếm 8,41% (tăng 9,3% so với năm 2020), tiền lương, công và các khoản phụ cấp khác 73,915 tỷ đồng chiếm 30,09% (tăng 11,361% so với 2020, đạt 104% kế hoạch). Thu nhập bình quân đầu người đạt 43,2 triệu đồng/người/năm, (Tăng 3,69 triệu đồng/người/năm)

- Dân số, lao động và việc làm

+ Dân số trung bình năm 2022 là 5.643 người.

+ Năm 2022, tổng số lao động trong độ tuổi 4.322 người, trong đó lao động có khả năng lao động 3.790 người; tỷ lệ lao động trong độ tuổi có việc làm 100%; lao động qua đào tạo 2.292/3.790 người, đạt tỷ lệ 75,02%; lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ 780/3.790 người, đạt tỷ lệ 25,53%.

+ Cơ cấu lao động: Lao động trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản: 2.223/3.790 người, đạt tỷ lệ 58,65%. Lao động lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ: 621/3.790, đạt tỷ lệ: 16,39%. Lao động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ: 946/3.790, đạt tỷ lệ 24,96%.

- Đời sống dân cư

+ Tỷ lệ hộ được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh là 98,8%.

+ Năm 2022, xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và 03 thôn đạt khu dân cư mẫu. Tiếp tục xây dựng 5 khu dân cư mẫu. Kết quả này đã góp phần nâng cao đời sống xã hội của người dân.

+ Thu nhập bình quân đầu người năm 2022 đạt: 43,2 triệu đồng/người/năm.

+ Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn mới giai đoạn 2021-2025). Hộ nghèo 90 hộ chiếm tỷ lệ 5,51%; (giảm 19 hộ so với năm 2020), hộ cận nghèo 89 hộ, tỷ lệ 5,45% (giảm 16 hộ so với 2020).

8. Loài cây trồng:

Căn cứ điều kiện địa hình, đất đai, khí hậu, đặc tính sinh thái, sinh vật học của các loài cây trồng, các văn bản hướng dẫn kỹ thuật hiện hành, các bên liên quan và người dân trong vùng dự án loài cây được thống nhất chọn trồng là:

a. Loài cây Làm giàu rừng tự nhiên: **Lim xanh**

Tên khác: Lim

Tên khoa học: *Erythrophloeum fordii* Oliver

Họ thực vật: Vang (Caesalpiniaceae)

b. Loài cây Làm giàu rừng tự nhiên: **Giổi xanh**

Tên khác: Giổi

Tên khoa học: *Michelia mediocris* Dandy

Họ thực vật: Ngọc lan (Magnoliaceae)

9. Tiêu chuẩn cây giống đem trồng:

Cây giống có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, gieo ươm từ hạt, cây con đủ tuổi theo quy định, đạt tiêu chuẩn về chiều cao và đường kính cổ rễ. Cây con có bầu, không bị sâu bệnh hại, không cụt ngọn, sức sinh trưởng tốt, bộ rễ phát triển và không dễ rễ cái vượt ra khỏi bầu, tiêu chuẩn xuất vườn các loài cụ thể như sau:

a. **Lim xanh**

Kích thước bầu: Đường kính tối thiểu 10 cm, chiều cao tối thiểu 16 cm;

Tuổi cây: ≥ 24 tháng tuổi;

Đường kính cổ rễ (cm): $\geq 0,7$ cm;

Chiều cao vút ngọn (cm): ≥ 50 cm;

Cây con phát triển cân đối, cứng cáp, không cụt ngọn, lá xanh, cây khỏe mạnh không bị vóng lứt, không có biểu hiện sâu, bệnh hại.

b. **Giổi xanh**

Kích thước bầu: Đường kính tối thiểu 13 cm, chiều cao tối thiểu 16 cm

Tuổi cây: ≥ 12 tháng;

Đường kính cổ rễ (cm): $\geq 0,7$ cm;

Chiều cao vút ngọn (cm): ≥ 60 cm;

Cây con phát triển cân đối, cứng cáp, không cụt ngọn, lá xanh, cây khỏe mạnh không bị vóng lứt, không có biểu hiện sâu, bệnh hại.

II. Mục tiêu công việc:

1. Phạm vi công việc :

*** Đối tượng thực hiện biện pháp lâm sinh:**

Rừng đặc dụng là rừng phục hồi (thuộc phân khu phục hồi sinh thái) có trữ lượng cây đứng dưới 30 m³/ha, số lượng cây gỗ đạt chiều cao tham gia vào tán rừng dưới 400 cây/ha và cây tái sinh mục đích có chiều cao trên 01 m với số lượng từ 500 cây/ha trở lên hoặc số lượng cây gỗ đạt chiều cao tham gia vào tán rừng từ 400 cây/ha trở lên và cây tái sinh mục đích có chiều cao trên 01 m với số lượng dưới 500 cây/ha. Mật độ cây gỗ và cây tái sinh mục đích phân bố không đều trên toàn diện tích.

*** Vị trí, diện tích.**

Căn cứ Hồ sơ thiết kế được duyệt, vị trí thực hiện biện pháp lâm sinh Làm giàu rừng là tại Lô 25, khoảnh 1, tiểu khu 181- Bản đồ Phương án quản lý bảo vệ rừng giai đoạn 2021-2030, thuộc địa bàn hành chính xã Hương Bình, tỉnh Hà Tĩnh (Trước ngày 01/7/2025 là xã Hòa Hải, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh). Từ vị trí trên đã được lựa chọn thiết kế thành 16 lô làm giàu rừng tự nhiên gồm: Lô (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16), khoảnh 1, tiểu khu 181 với diện tích 138,40 ha (chủ rừng là Vườn Quốc gia Vũ Quang).

Chi tiết tại bảng 1

Bảng 1. Địa điểm trồng và mật độ trồng

TT	Xã	Tiểu khu	Khoảnh	Lô	Diện tích	Tọa độ X	Tọa độ Y	Mật độ trồng	Cấp thực bì
		1	1	16	138,40				
1	Xã Hương Bình	181	1	1	9,08	507291.82	2023686.14	370	2
2	Xã Hương Bình	181	1	2	5,65	508013.87	2023535.85	370	2
3	Xã Hương Bình	181	1	3	7,53	507575.95	2023524.9	370	2
4	Xã Hương Bình	181	1	4	9,08	506993.52	2023305.72	370	2
5	Xã Hương Bình	181	1	5	9,85	507221.45	2023242.31	370	2
6	Xã Hương Bình	181	1	6	9,36	507778.59	2023270.52	370	2
7	Xã Hương Bình	181	1	7	8,88	508080.84	2023194.83	370	2
8	Xã Hương Bình	181	1	8	9,25	507532.03	2023152.28	370	2
9	Xã Hương Bình	181	1	9	8,28	508436.19	2023113.99	370	3
10	Xã Hương Bình	181	1	10	9,57	506857.9	2022971.75	370	2
11	Xã Hương Bình	181	1	11	10	507308.52	2022979.98	370	3
12	Xã Hương Bình	181	1	12	9,76	507664.35	2022880.31	370	2
13	Xã Hương Bình	181	1	13	9,63	507863.63	2022660.19	370	2
14	Xã Hương Bình	181	1	14	8,01	508183.59	2022823	370	3
15	Xã Hương Bình	181	1	15	9,29	507147.14	2022774.42	370	3
16	Xã Hương Bình	181	1	16	5,18	506784.77	2023116.73	370	2

2. Giải pháp kỹ thuật :

Biện pháp kỹ thuật chi tiết được thiết kế cho công trình lâm sinh Làm giàu rừng được căn cứ theo Hồ sơ thiết kế làm giàu rừng tự nhiên đã được Chủ đầu tư phê duyệt tại Quyết định số 146/QĐ-VQG ngày 09/9/2025 kèm theo Hồ sơ mời thầu này.

3. Yêu cầu tiến độ tổng thể :

Nhà thầu phải thực hiện đúng tổng tiến độ thi công các công việc của gói thầu và thời gian thi công phải hoàn thành trước ngày 31/12/2029, có tính đến điều kiện thời tiết kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực. Cụ thể:

- Thời gian thi công Làm giàu rừng năm 2025: bắt đầu từ tháng 10/2025 đến hết tháng 12/2025. Để hạn chế ảnh hưởng của mưa to khi cây chưa bén rễ, dễ bị trôi cây, tránh trồng vào những thời điểm nắng to, gió mạnh, thời tiết khô nóng hoặc lạnh giá và phải hoàn thành trước ngày 31/12/2025;

- Thời gian chăm sóc rừng các năm tiếp theo từ 2026-2029 là 48 tháng, đã

tính đến điều kiện thời tiết bất lợi, ngày nghỉ, lễ, tết theo quy định. (Chi tiết theo Hồ sơ thiết kế đã được duyệt kèm theo)

+ Nhà thầu phải thường xuyên đối chiếu tiến độ thực hiện so với kế hoạch tiến độ thi công đã thống nhất với Kỹ sư giám sát của Chủ đầu tư để kịp thời có biện pháp xử lý trong quá trình tổ chức thi công.

+ Nếu Kỹ sư giám sát và Chủ đầu tư thấy tiến độ thi công Nhà thầu thực hiện bị chậm, có khả năng làm chậm thời hạn hoàn thành công trình thì Nhà thầu phải có biện pháp cần thiết với sự đồng ý của Kỹ sư giám sát để đẩy nhanh tiến độ theo yêu cầu.

+ Nếu công trình hoàn thành chậm hơn so với thời gian quy định trong quyết định trúng thầu được phê duyệt mà do lỗi Nhà thầu gây ra, thì Nhà thầu phải chịu bù đắp mọi tổn thất và phải chịu phạt theo mức phạt trong hợp đồng được ký kết.

Lưu ý: Riêng năm 2025 dự tính bắt đầu từ tháng 10 nên công tác bảo vệ rừng được tính từ thời điểm này (tức là 3 tháng cho năm 2025). Các năm tiếp theo công tác bảo vệ rừng được tính là 12 tháng/ năm.

III. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

Yêu cầu về mặt kỹ thuật: Đây là Công trình lâm sinh Làm giàu rừng tự nhiên được đầu tư bằng nguồn thu từ thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ (ERPA) do đó nhà thầu phải thực hiện toàn bộ các công việc theo quy định hiện hành của nhà nước đối với đầu tư công trình lâm sinh tại thời điểm thi công. Các quy trình kiểm tra, nghiệm thu phải là các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành phù hợp với quy định của Pháp luật Việt Nam.

Nhà thầu tuân thủ một số quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn sau:

1. Các văn bản pháp luật và Quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu thi công trồng rừng

- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14, ngày 15 tháng 11 năm 2017;
- Luật đất đai số 31/2024/QH15, ngày 18 tháng 01 năm 2024;
- Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, ngày 17 tháng 11 năm 2020;
- Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 và các Luật điều chỉnh bổ sung có hiệu lực;
- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều luật của Luật Lâm nghiệp;
- Nghị định số 91/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

- Nghị định số 107/2022/NĐ-CP ngày 28/12/2022 của Chính phủ về thí điểm chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ;

- Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp;

- Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

- Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ Quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

- Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Quyết định số 895/QĐ-TTg, ngày 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ năm 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Thông tư số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐT BXH-BTC-UBDT ngày 05/01/2005 của Liên Bộ: Nội vụ - Lao động thương binh và xã hội - Tài Chính - Ủy ban dân tộc về việc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực;

- Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định về các biện pháp lâm sinh;

- Thông tư số 17/2022/TT-BNNPTNT, ngày 27/10/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm sinh;

- Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;

- Thông tư số 17/2019/TT-BLĐT BXH, ngày 06/11/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội về việc hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;

- Căn cứ Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng;

- Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Quy định một số định mức kinh tế - kỹ thuật Lâm nghiệp;

- Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT, ngày 12/12/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp;

- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/ 8/ 2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành định mức xây dựng;

- Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc Quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

- Tiêu chuẩn quốc gia về làm giàu rừng tự nhiên trên cạn: TCVN 14290-3:2024;

- Tiêu chuẩn Việt Nam 12714-15: 2021 Tiêu chuẩn Quốc gia giống cây Lâm nghiệp – Cây giống các loại cây bản địa phần 15: Lim xanh;

- Tiêu chuẩn Việt Nam 12714-6: 2020 Tiêu chuẩn Quốc gia giống cây Lâm nghiệp – Cây giống các loại cây bản địa phần 6: Giổi xanh;

- Sổ tay hướng dẫn thực hiện Thỏa thuận chi trả giảm phát thải nhà kính vùng Bắc Trung Bộ;

- Quyết định số 2856/QĐ-UBND ngày 31/8/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc ban hành hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương trong công thức xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

- Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 26/2/2025 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc Công bố hiện trạng rừng tỉnh Hà Tĩnh năm 2024;

- Quyết định số 644/QĐ-SNN ngày 15/10/2024 về việc phê duyệt kế hoạch tài chính năm 2024 thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ (ERPA) năm 2023 của Vườn Quốc gia Vũ Quang;

- Quyết định 701 QĐ-SNN ngày 02/12/2024 về việc điều chỉnh Phụ lục kèm theo Quyết định phê duyệt Kế hoạch tài chính năm 2024 nguồn thu từ thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ (ERPA) năm 2023 của Vườn Quốc gia Vũ Quang;

- Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030 của Vườn Quốc gia Vũ Quang được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3706/QĐ-UBND ngày 12/11/2021;

- Quyết định số 129/QĐ-VQG ngày 08/8/2025 về việc Phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện kế hoạch phát triển rừng thuộc Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030 của Vườn Quốc gia Vũ Quang;

- Bản đồ Hiện trạng rừng và đất Lâm nghiệp;
- Bản đồ Hiện trạng sử dụng đất;
- Bản đồ Phương án quản lý bảo vệ rừng giai đoạn 2021-2030
- Kế hoạch năm 2025 của Vườn Quốc gia Vũ Quang;
- Quyết định số 146/QĐ-VQG ngày 9/9/2025 của Vườn Quốc gia Vũ Quang về việc Phê duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán làm giàu rừng tự nhiên từ nguồn vốn thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ (ERPA) tại xã Hương Bình, tỉnh Hà Tĩnh (Nguồn vốn ERPA năm 2023) và Hồ sơ chi tiết kèm theo Quyết định.

Một số các văn bản khác có liên quan.

2. Tổ chức thực hiện:

Nhà thầu phải lập một Ban chỉ huy công trường trong đó có phân công, phân cấp trách nhiệm, nhiệm vụ rõ ràng giữa các cá nhân, gồm các nhân lực chủ chốt sau: Chỉ huy trưởng công trường, các Kỹ thuật thi công, các chức danh khác phục vụ cho việc tổ chức thi công công trường như: An toàn lao động, vệ sinh môi trường, PCCC, Kế hoạch, Kế toán, Thủ kho, Bảo vệ, để tổ chức quản lý thi công trên công trường theo đúng hồ sơ dự thầu của nhà thầu.

Ban chỉ huy công trường của nhà thầu được đóng tại hiện trường để tổ chức quản lý thi công trên công trình, trong đó ngoài Kỹ thuật thi công phải có mặt thường xuyên trên công trường thì Chỉ huy trưởng công trình sẽ có mặt trong tất cả các cuộc họp giữa chủ đầu tư và nhà thầu kể cả đối với công việc của từng nhà thầu liên danh (trong trường hợp liên danh); ký vào các văn bản liên quan trong quá trình thi công.

Mọi chi phí cho hoạt động của Ban chỉ huy công trường đã được bao gồm trong giá dự thầu, không được tính toán theo giá dự toán riêng.

3. Chi phí hiện trường:

Nhà thầu sẽ phải có trách nhiệm và bằng chi phí của Nhà thầu để lấy các thông tin cần thiết cho việc lập hồ sơ đề xuất và tham gia các vấn đề khác trong quá trình thực hiện hợp đồng. Chủ đầu tư sẽ không thanh toán bất kỳ khối lượng hoặc nội dung công việc nào nằm ngoài HSMT và thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt.

4. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát trồng rừng mới:

4.1. Yêu cầu đối với công tác thi công

- Nhà thầu phải thi công và hoàn thiện công trình theo đúng hồ sơ thiết kế và tuân thủ các quy trình, quy phạm lâm sinh hiện hành của Việt Nam cũng như phù hợp với điều kiện riêng của làm giàu rừng tự nhiên ở tỉnh Hà Tĩnh và theo chỉ dẫn của cán bộ kỹ thuật giám sát đảm bảo chất lượng yêu cầu của gói thầu và những yêu cầu kỹ thuật được điều chỉnh bổ sung trong thương thảo ký kết hợp đồng.

- Nhà thầu phải bố trí phương tiện máy móc, nhân lực đảm bảo quá trình thi công đạt chất lượng, hiệu quả và đảm bảo tiến độ công trình; chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chất ổn định, an toàn của tất cả các hoạt động ở hiện trường trong suốt thời gian thi công, hoàn thiện công trình.

- Trong quá trình thi công, nhà thầu phải thường xuyên theo dõi, kiểm tra chất lượng thi công. Tất cả các công tác theo dõi và kiểm tra chất lượng tại hiện trường của nhà thầu phải được ghi chép vào sổ nhật ký thi công. Các tài liệu, biên bản nghiệm thu... nhà thầu phải lập thành hồ sơ lưu trữ cả ở công trường và văn phòng của nhà thầu để cán bộ giám sát, cán bộ quản lý dự án, chủ đầu tư và bất kỳ người nào khác được chủ đầu tư ủy quyền có thể tham khảo và xem xét vào bất kỳ thời điểm nào.

- Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc bảo vệ công trình, nguyên vật liệu và máy móc, thiết bị đưa vào sử dụng cho việc thi công trồng rừng, kể từ ngày khởi công công trình đến ngày nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng; nghiệm thu kết thúc gói thầu.

- Nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có xảy ra bất kỳ tổn thất hay hư hỏng nào đối với diện tích rừng trồng, người lao động, giống trồng rừng, máy móc thiết bị thì nhà thầu phải tự khắc phục, bồi thường bằng chính kinh phí của mình.

- Cung cấp toàn bộ cây giống trồng làm giàu rừng đúng yêu cầu kỹ thuật tiêu chuẩn cây trồng theo thiết kế để thi công.

- Tổ chức thực hiện thi công trồng làm giàu rừng tự nhiên đạt yêu cầu kỹ thuật và theo đúng thời hạn hoàn thành gói thầu đã nêu trong hồ sơ dự thầu được chấp thuận.

- Bố trí chuyên gia lành nghề có kinh nghiệm và đủ năng lực đảm bảo thực hiện đúng dẫn và đúng thời hạn nghĩa vụ của nhà thầu theo hợp đồng.

- Giám sát theo dõi những khối lượng do mình thực hiện gói thầu trong thời gian thi công và ngay cả trong thời gian bảo hành công trình.

- Nếu chủ đầu tư nhận thấy không thể chấp nhận nhân viên của nhà thầu mà theo ý kiến của chủ đầu tư người đó có hành vi sai phạm hoặc không có năng lực thực hiện đúng dẫn nhiệm vụ thì nhà thầu không được phép cho người đó làm việc ở hiện trường, thay thế sớm bằng nhân viên khác.

- Nhà thầu phải báo cáo chi tiết về bất kỳ tai nạn, hư hỏng nào trong hoặc ngoài hiện trường. Trong trường hợp có tai nạn nghiêm trọng, hư hỏng, chết người, nhà thầu phải báo cáo ngay lập tức bằng các phương tiện nhanh nhất sẵn có.

- Trong quá trình thực hiện phải tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật, của chủ rừng về bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng.

- Trước khi nghiệm thu công trình, nhà thầu phải thu dọn, san trả hiện trường và làm cho khu vực hiện trường được sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm lập đầy đủ hồ sơ hoàn công công trình theo đúng yêu cầu của chủ đầu tư và các tiêu chuẩn nghiệm thu công trình thi công Làm giàu rừng tự nhiên và chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng và chăm sóc các năm tiếp theo.

4.2. Giám sát quá trình thi công:

Giám sát kỹ thuật công trình của Chủ đầu tư được quyền bất cứ lúc nào cũng được tiếp cận các vị trí thi công để kiểm tra công việc thi công của nhà thầu nhằm đảm bảo yêu cầu chất lượng, tiến độ, an toàn... của dự án. Nhà thầu có trách nhiệm cùng cán bộ giám sát kỹ thuật gói thầu của Chủ đầu tư thực hiện nhiệm vụ trên.

Toàn bộ vật tư giống cây trồng, cọc giữ cây, cọc mố chỉ được đưa vào thực hiện gói thầu phải đảm bảo qui định thiết kế, yêu cầu kỹ thuật liên quan và sau khi có văn bản nghiệm thu của giám sát Chủ đầu tư. Mọi vật liệu, thiết bị bán thành phẩm không được giám sát của Chủ đầu tư chấp nhận phải chuyển khỏi phạm vi hiện trường trồng rừng.

Nhà thầu phải chấp nhận tạm thời bị đình chỉ hoặc hoãn thi công trên công trường và không được đòi hỏi bồi hoàn thiệt hại theo yêu cầu của giám sát thi công và chủ đầu tư trong những trường hợp sau:

- Thi công không đúng yêu cầu trong hồ sơ thiết kế;
- Do lý do an ninh và an toàn bảo vệ môi trường;
- Do khắc nghiệt của thời tiết làm chết cây trồng;

5. Yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ:

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Nhà thầu phải đảm bảo công tác phòng chống cháy nổ theo qui định hiện hành và phải được trình bày đầy đủ các biện pháp chi tiết trong hồ sơ dự thầu.

- Nhà thầu phải tuân thủ các quy định: Luật phòng cháy và chữa cháy, Nghị định 79/2014/NĐ-CP hướng dẫn Luật phòng cháy và chữa cháy; An toàn cháy - Yêu cầu chung TCVN 3254:1989; Phòng cháy - dấu hiệu an toàn TCVN 4879:1989; An toàn nổ - yêu cầu chung TCVN 3255:1986;

- Không để sự cố cháy nổ xảy ra;
- Phải thực hiện biện pháp phòng chống cháy cho công trường; Khu vực có nguy cơ xảy ra cháy nổ cần bố trí vị trí có khoảng cách an toàn tới khu vực dân cư, có biển báo và trang bị dụng cụ, phương tiện phòng chữa cháy thích hợp;

6. Yêu cầu về vệ sinh môi trường:

Trong quá trình thi công công trình, nhà thầu có trách nhiệm:

- Tuân thủ Luật bảo vệ môi trường 2014, Nghị định số 19/2015/NĐ-CP hướng dẫn một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

- Lập và thực hiện các biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường trong quá trình thi công bao gồm môi trường không khí, môi trường nước, chất thải rắn, tiếng ồn và các yêu cầu khác về vệ sinh môi trường.

- Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu dọn hiện trường.

- Nhà thầu có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường, đồng thời chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường. Trường hợp nhà thầu không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì chủ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có quyền đình chỉ thi công và yêu cầu nhà thầu thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường.

- Bồi thường thiệt hại do những vi phạm về vệ sinh môi trường do mình gây ra trong quá trình thi công và vận chuyển vật liệu, phế thải.

- Không gây ô nhiễm quá giới hạn cho phép tới môi trường ở trong và ngoài công trường do thải ra các yếu tố độc hại như bụi, hơi khí độc, tiếng ồn ... hoặc thải nước, bùn, rác, vật liệu phế thải.

- Nhà thầu phải thiết kế mặt bằng thi công bảo đảm các yêu cầu, đồng thời thể hiện đầy đủ các yếu tố: kho nguyên vật liệu; khu vườn lưu trữ cây giống; khu vực bố trí vật liệu phế thải.

- Khi vận chuyển nguyên vật liệu phải tuân thủ luật lệ giao thông và các quy định của chính quyền địa phương; Phương tiện phải được che chắn kín, giăng buộc vững để tránh bụi, rơi vãi và rơi đổ vật xuống đường.

- Có biện pháp che chắn để chống bụi, tiếng ồn cho khu vực xung quanh.

- Phải thực hiện bảo vệ cây xanh đã có trong khu vực; Chỉ được chặt hạ khi được phép của cơ quan quản lý và đã thực hiện công tác đền bù.

7. Yêu cầu về an toàn lao động:

- Trong quá trình thi công, nhà thầu có trách nhiệm bảo đảm an toàn cho công trình, người lao động, thiết bị, phương tiện thi công làm việc trên công trường.

- Nhà thầu thi công phải đề xuất, thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, tài sản, công trình đang thi công; thiết bị, vật tư phục vụ thi công có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động phải được kiểm định về an toàn trước khi đưa vào sử dụng.

- Các biện pháp an toàn và nội quy về an toàn phải được thể hiện công khai trên công trường để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường phải được bố trí người hướng dẫn, cảnh báo đề phòng tai nạn.

- Nhà thầu phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động trên công trường. Khi xảy ra sự cố mất an toàn phải tạm dừng hoặc đình chỉ thi công đến khi khắc phục xong mới được tiếp tục thi công.

- Nhà thầu có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn, phổ biến, tập huấn các quy định về an toàn lao động. Đối với một số công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì người lao động phải có giấy chứng nhận huấn luyện an toàn lao động theo quy định của pháp luật về an toàn lao động. Nghiêm cấm sử dụng người lao động chưa được huấn luyện và chưa được hướng dẫn về an toàn lao động.

- Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các trang thiết bị bảo vệ cá nhân, an toàn lao động cho người lao động theo quy định khi sử dụng lao động trên công trường.

- Nhà thầu thi công có trách nhiệm bố trí cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm làm công tác an toàn, vệ sinh lao động.

- Nhà thầu phải chuẩn bị bố trí biển báo, rào che chắn thi công ở những nơi cần thiết để bảo đảm an toàn và chỉ dẫn mọi người thực hiện;

- Nhà thầu phải quan tâm đầy đủ đến an toàn của người lao động, thiết bị, vật tư, công trường. Đảm bảo trật tự cho công trình không để xảy ra tình trạng nguy hiểm cho người lao động.

- Thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ về bảo hộ lao động như: thời gian làm việc, nghỉ ngơi; lao động nữ; lao động chưa thành niên; bồi dưỡng độc hại; trang bị phương tiện, trang bị bảo hộ lao động; giảm nhẹ khâu lao động nặng nhọc và hạn chế

các yếu tố gây độc hại, gây bệnh nghề nghiệp và gây sự cố nguy hiểm; Cần bố trí các tiện nghi phục vụ sinh hoạt cho người lao động bao gồm nhà vệ sinh, nhà trú nắng mưa, nước sinh hoạt, nước uống, nơi nghỉ giữa ca, nơi sơ cấp cứu và phương tiện cấp cứu...

- Phải báo cáo cho Chủ đầu tư các chi tiết về bất kỳ tai nạn, hư hỏng nào trong hoặc ngoài công trường. Trong trường hợp có tai nạn nghiêm trọng hư hỏng hay chết người Nhà thầu phải báo cáo ngay lập tức bằng các phương tiện nhanh nhất sẵn có. Thực hiện đầy đủ quy định về an toàn, vệ sinh lao động và chế độ khai báo, điều tra nguyên nhân tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

- Nếu trong quá trình thực hiện Hợp đồng có xảy ra bất kỳ tổn thất hư hỏng nào đối với công trình, người lao động, nguyên vật liệu, máy móc thiết bị thực hiện (không thuộc trách nhiệm bên chủ đầu tư) Nhà thầu phải tự sửa chữa, bồi thường bằng chính kinh phí của mình.

8. Biện pháp huy động vật tư và nhân lực thi công:

8.1. Về vật tư vật liệu:

Vật tư vật liệu phải đảm bảo cung cấp đáp ứng yêu cầu về chất lượng, số lượng, tiến độ cung ứng (hoặc có thỏa thuận hoặc hợp đồng cung cấp).

Vật tư vật liệu đưa vào công trường phải đúng chủng loại, qui cách và chất lượng, theo đúng hồ sơ mời thầu và hồ sơ dự thầu, phải được kiểm nghiệm chất lượng. Bên A sẽ thường xuyên kiểm tra nếu phát hiện không đúng sẽ bị loại và lập biên bản. Nếu tái phạm với bất kỳ lý do gì, Bên A có quyền từ chối nghiệm thu kể cả khối lượng đối với những công việc có liên quan. Những vật tư vật liệu đưa vào công trình không đảm bảo chất lượng, bị loại thì chậm nhất 24 giờ sau phải đưa ra khỏi công trình. Nếu sau 24 giờ mà đơn vị thi công không vận chuyển ra khỏi công trình thì Bên A có quyền đình chỉ thi công và mọi sự chậm trễ tiến độ và các ảnh hưởng khác Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm;

Đối với các vật liệu quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng công trình, trước khi đưa vào thi công phải có nguồn gốc xuất xứ, chủng loại đúng theo hồ sơ mời thầu được duyệt, một số vật liệu dưới dạng thành phẩm phải có cam kết đảm bảo chất lượng của nhà cung cấp.

8.2. Về nhân lực:

Nhà thầu phải có đầy đủ nhân sự và sẽ bố trí đủ cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu ở Mục a) Nhân sự chủ chốt thuộc Khoản 2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật.

Ngoài ra, Nhà thầu phải đề xuất và cam kết rằng mình có đầy đủ công nhân kỹ thuật, lao động đáp ứng yêu cầu gói thầu.

Ghi Chú: Do tính chất đây là một gói thầu Làm giàu rừng tự nhiên có phân bổ kế hoạch vốn theo từng năm trồng và năm chăm sóc riêng biệt, hiện nay chưa có quy định pháp lý cho việc điều chỉnh nguồn vốn bố trí từ năm này qua năm khác như các loại công trình khác. Do đó, đề nghị Nhà thầu tham dự thầu tìm hiểu áp dụng các định mức, quy định hiện hành để xây dựng dự toán dự thầu (gồm chi phí trực tiếp, chi phí chung, chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công, thu nhập chịu thuế tính trước và Thuế GTGT) và khuyến cáo không vượt

giá trị chi phí theo kế hoạch vốn hàng năm của công trình theo hồ sơ thiết kế kèm theo.

4. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương này, gồm các phần chính như sau:

1. Giải pháp và phương pháp luận;
2. Kế hoạch công tác.

Nội dung này phải có trình tự hợp lý, có đầy đủ nội dung đáp ứng yêu cầu của mục 3 Tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật thuộc chương III của E-HSMT này.

5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả làm giàu rừng theo quy định của Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh; Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT, ngày 12/12/2024 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều các thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp.

- Và các văn bản quy định hiện hành có liên quan.

(Chi tiết sẽ được các bên thương thảo và thống nhất trong quá trình hoàn thiện hợp đồng).